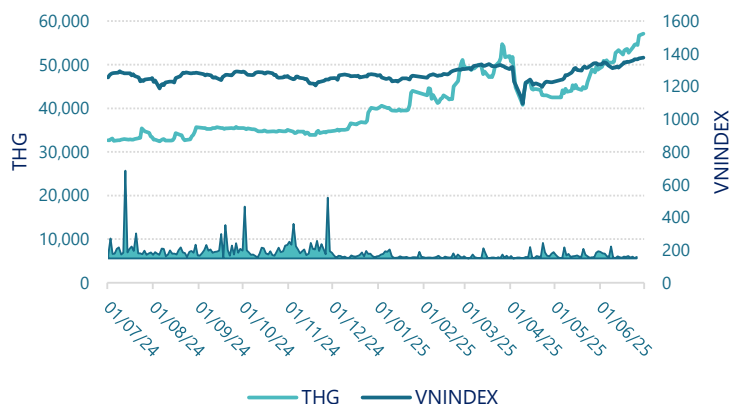


CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (HSX: THG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	57,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	57,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,423
SL cổ phiếu LH	31,129,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,193
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,778
P/E	10.1
EPS	5,676

DT thuần

Q2/25

625

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 111 | 21.6%

YoY: ▲ 249 | 66.2%

LN sau thuế

Q2/25

41.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.60 | 30.0%

YoY: ▲ 23.3 | 128%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.4%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

6T 2025

1,139

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 438 | 62.5%

LN sau thuế

6T 2025

73.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.2 | 103%

ROE

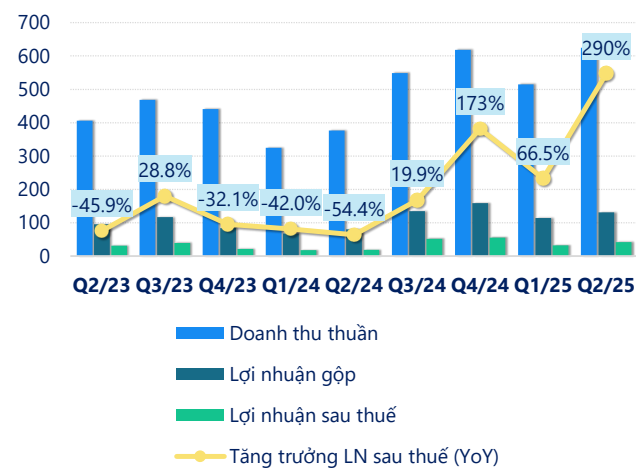
Q2/25

25.5%

+/- YoY: ▲ 10.8%

tỷ VNĐ

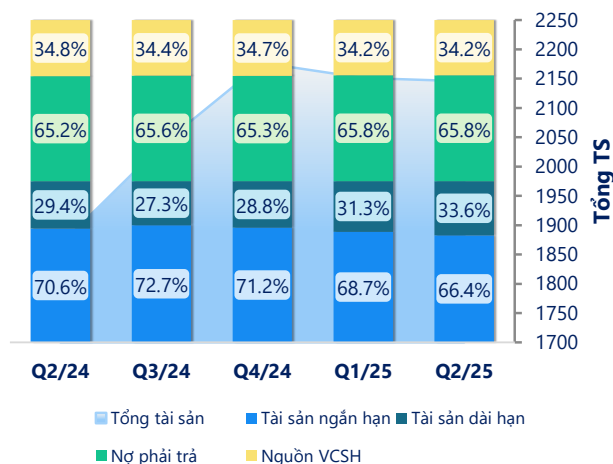
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

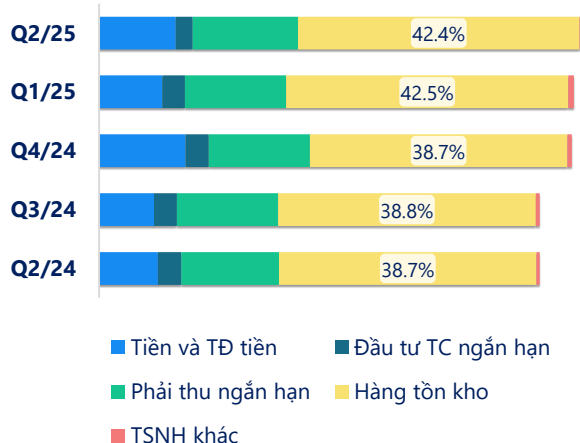
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



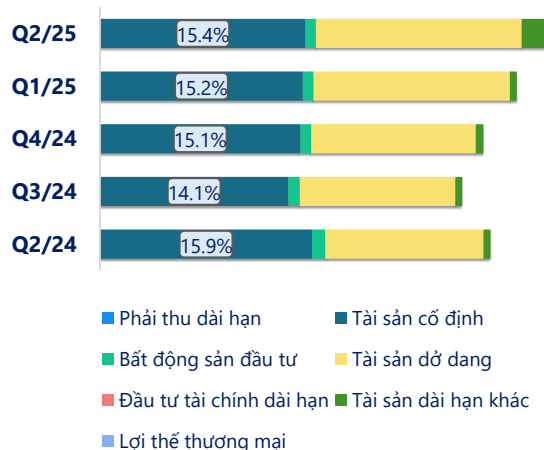
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

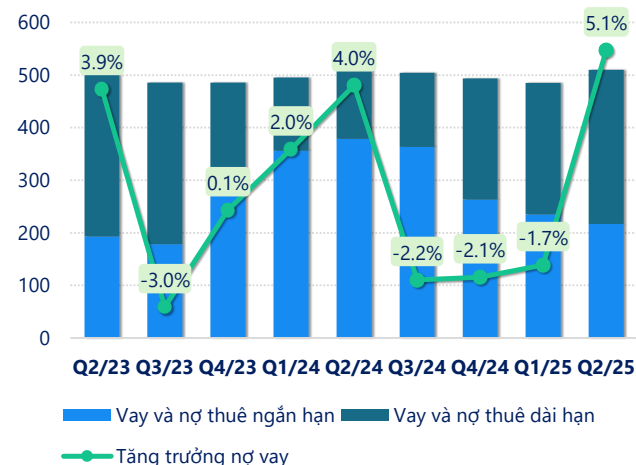
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

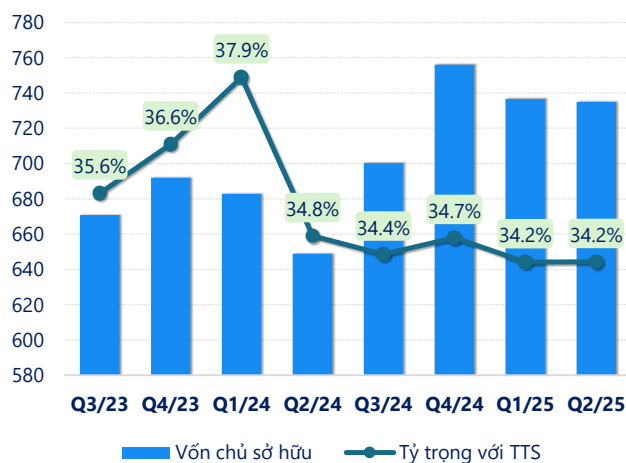
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

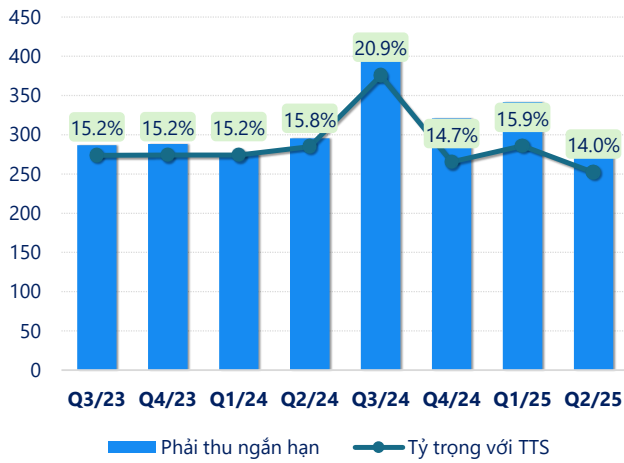
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



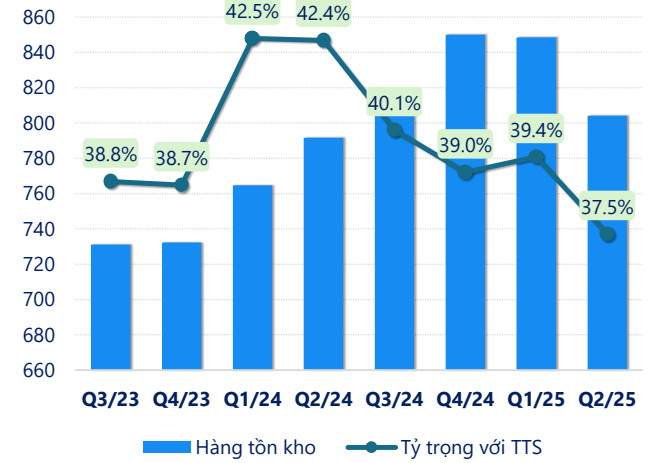
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

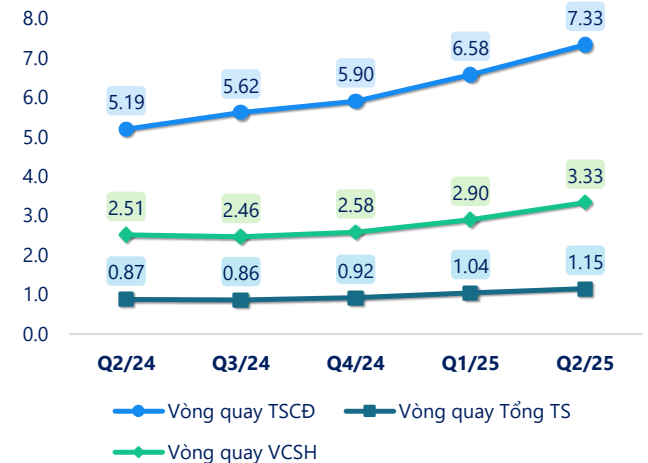
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,867	2,036	2,177	2,151	2,146
Tài sản ngắn hạn	1,318	1,481	1,549	1,477	1,425
Tiền và tương đương tiền	165	168	283	205	247
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.1	50.0	69.7	54.3	45.2
Phải thu ngắn hạn	295	425	321	342	300
Hàng tồn kho	792	817	850	848	804
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	21.3	25.3	27.7	27.9
Tài sản dài hạn	549	555	628	674	721
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.33	0.33	0.33
Tài sản cố định	297	288	328	328	331
Bất động sản đầu tư	18.4	18.0	17.6	17.2	16.9
Tài sản dở dang	222	238	270	318	332
Đầu tư tài chính dài hạn	0.30	0.34	0.36	0.27	0.34
Tài sản dài hạn khác	9.74	10.4	12.1	10.9	40.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,218	1,336	1,421	1,415	1,411
Nợ ngắn hạn	1,078	1,190	1,185	1,159	1,062
Vay và nợ thuê ngắn hạn	379	363	263	235	217
Phải trả người bán ngắn hạn	336	419	456	450	434
Nợ dài hạn	140	146	236	256	349
Vay và nợ thuê dài hạn	136	141	231	250	293
Nguồn vốn chủ sở hữu	649	700	756	737	735
Vốn chủ sở hữu	649	700	756	737	735
Vốn điều lệ	259	259	259	259	311
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)